

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HC-ST

Ngày: 30-10-2018

*V/v Khiếu kiện HV hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước
về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hùng

Các Hội thẩm:
1. Bà Phùng Thị Hoài Phương
2. Bà Hoàng Thị Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2016/TLST – HC ngày 19 tháng 6 năm 2018, về việc “*Khiếu kiện Hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HC ngày 17-9-2018 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/2018TB/TA ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lục Thị M(Lục Thị M); sinh năm 1968.

Địa chỉ: thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Tạ Quang T - Văn phòng luật sư THT thuộc Đoàn luật sư tỉnh X.

Địa chỉ: 02 Hùng Vương, Phường Tự An, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Trụ sở: thôn 1, xã R, huyện Đ

- *Người đại diện theo pháp luật:* ông Bùi Văn H , Chức vụ Chủ tịch.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Đức T ; Chức vụ Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 03-7-2018), Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2018 bản tự khai, lời khai của người khởi kiện bà M trình bày:

Nguồn gốc diện tích 1,3ha đất tại thôn 1, xã R, huyện Đ là do bà Trần Thị Nụ sang nhượng cho ông Lê Văn Q, Lê Văn P từ năm 1997. Sau đó ông Quyền, ông Phóng sang nhượng lại cho bà năm 1997. Khi nhận chuyển nhượng lập thành giấy ủy quyền đất có xác nhận của UBND xã R từ năm 1999. Sau khi nhận sang nhượng, bà tiếp tục canh tác trên đất và có đóng thuế hàng năm. Trong quá trình sử dụng không tranh chấp với ai. Năm 2007, UBND huyện Đ cho xe vô san lấp đất của bà khi chưa có Quyết định thu hồi đất cũng như chưa thực hiện việc xác M. Sau đó bà có làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện Đ về việc không ban hành quyết định thu hồi đất. Năm 2008, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 464/QĐ-UBND điều chỉnh tên người nhận đền bù đối với diện tích đất gần 4000m² từ ông Ngô Anh Dũng thành tên bà. Bà đã nhận tiền đền bù và 01 lô đất tái định cư tự chọn.

Đối với phần đất còn lại bà tiếp tục khiếu nại yêu cầu đền bù thì đến năm 2012, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 13/4/2012 giải quyết không chấp nhận đơn khiếu nại của bà M và cho rằng bà M không có giấy tờ hợp pháp để chứng M diện tích 10.000m².

Đến ngày, 15/11/2012 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1510/QĐ-UBND thu hồi diện tích 2703m² để xây dựng nhà làm việc của huyện đội Đ nhưng không đền bù. Ngày 28/6/2013, UBND huyện Đ ban hành quyết định 576/QĐ-UBND giải quyết đơn của bà Lục Thị M nội dung chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lục Thị M khiếu nại việc san ủi đất mà không ban hành quyết định thu hồi đất và không tính toán đền bù về đất; giao cho cơ quan có thẩm quyền lập phương án đền bù và hỗ trợ cây trồng cho bà M.

Ngày 08/8/2013, UBND huyện Đ tiếp tục ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND thu hồi bổ sung diện tích 6232m² đất của bà để xây dựng công trình Đường giao thông nội bộ Bằng Lăng.

Tuy nhiên, đến ngày 22/8/2014, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành quyết định số 1017/QĐ-UBND về việc hủy 1 phần quyết định số 576/QĐ-UBND và không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà M với lý do đất bỏ hoang quá 12 tháng và đang có tranh chấp với ông Trần Văn Phán và Phan Văn Tâm; Giấy tờ mua bán đất của bà M cũng không hợp lệ ; Giao cho UBND xã R quản lý toàn bộ diện tích trên.

Các quyết định trên thực tế thì đến khoảng tháng 11/2016, bà mới nhận được các quyết định ban hành năm 2014. Từ đó đến nay bà vẫn tiếp tục khiếu nại đến các cơ quan chức năng nhưng không được giải quyết. Ngày 12-10-2017, bà có khởi kiện đến TAND tỉnh Lâm Đồng nhưng do bà có 02 tên là Lục Thị Mên và Lục Thị M nên bà rút đơn để xin xác nhận tên.

Nay bà tiếp tục có đơn khởi kiện Hành vi Hành chính đối với UBND huyện Đ khi thu hồi diện tích 6232m² đất của bà để xây dựng công trình Đường giao thông nội bộ Bằng Lăng và diện tích 2703m² đất để xây dựng nhà làm việc của huyện đội Đ nhưng không bồi thường theo quy định của pháp luật cho bà theo quyết định 576/QĐ-UBND ngày 28/06/2013.

Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân

huyện Đ trình bày:

1. Đối với công trình giao thông đường bộ:

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, UBND huyện ban hành Quyết định số: 576/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Lục Thị M cư ngụ tại Thôn 1, xã R, huyện Đ với nội dung: chấp nhận việc khiếu nại của bà Lục Thị M, cư trú tại thôn 1, xã R khiếu nại việc san ủi mặt bằng trên đất của hộ gia đình nhưng chưa thu hồi đất và tính toán bồi thường về đất và cây trồng có trên đất cho hộ gia đình.

Thực hiện quyết định này, UBND huyện ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 8 tháng 8 năm 2013 về việc thu hồi bổ sung đất nông nghiệp của hộ bà Lục Thị M để xây dựng công trình Đường giao thông nội bộ Bằng Lăng (Gói thầu số 01), tuy nhiên trong quá trình thực hiện, kiểm tra xác M nguồn gốc, vị trí đối với diện tích đất thu hồi nhận thấy, vị trí và diện tích đất thu hồi bổ sung theo hồ sơ đo đạc của Văn phòng ĐKĐĐ đo đạc sai vị trí so với vị trí thực tế cần thu hồi.

Do đó, ngày 06 tháng 12 năm 2013, Phòng TN&MT tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số: 1419/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số: 864/QĐ-UBND ngày 8/8/2013 của UBND huyện Đ để đo đạc xác định lại vị trí đất xin thu hồi bổ sung và xác M nguồn gốc đất của hộ gia đình bà Lục Thị M.

Sau khi kiểm tra xác M, ngày 22 tháng 8 năm 2014 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 1017/QĐ-UBND về việc hủy một phần quyết định số 576/QĐ-UBND huyện Đ với nội dung: hủy nội dung thứ nhất của Điều 1 và nội dung thứ 2 của Điều 2 quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của UBND huyện Đ không chấp nhận nội dung bà Lục Thị M khiếu nại việc Nhà nước san ủi đất của hộ gia đình bà nhưng chưa thu hồi đất và tính toán bồi thường về đất. Lý do:

- Diện tích đất nêu trên của bà Lục Thị M đang có tranh chấp quyền sử dụng đất với 02 hộ gia đình ông Trần Văn Phán và Phan Văn Tâm.

- Giấy tờ mua bán của bà Trần Thị Nụ với hộ NĐu K'Rô và ông NĐu Poh và giấy ủy quyền của ông Lê Văn Phóng và Lê Văn Quyền cho bà Lục Thị M không đủ cơ sở pháp lý để bồi thường cho bà Lục Thị M, vì "Giấy chuyển nhượng" không đúng quy định Luật đất đai 1993, có dấu hiệu sửa chữa nội dung "bà M ghi thêm tên người mua vào giấy sang nhượng", chữ viết không cùng một thời điểm, không cùng 1 người viết ra, mâu thuẫn nhiều nội dung trong giấy sang nhượng;...

- Giao Chủ tịch UBND xã R quản lý toàn bộ diện tích đất khu vực trên theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

Đối với diện tích này UBND huyện chưa bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân nào và giao cho UBND xã R quản lý quỹ đất trên.

2. Đối với công trình Ban chỉ huy quân sự huyện Đ:

Ngày 15 tháng 11 năm 2012 UBND huyện ban hành Quyết định số 1510/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Lục Thị M để xây dựng các hạng mục công trình Ban chỉ huy quân sự huyện Đ, với diện tích 2703m² thuộc thửa đất số 156, tờ BĐĐC số

21, xã R, huyện Đ và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền 0 đồng.

Ngày 02 tháng 10 năm 2014 hộ gia đình bà Lục Thị M khiếu nại yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 2703m² cho gia đình.

Tại Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Đ về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Lục Thị M với nội dung: không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Lục Thị M, lý do:

Căn cứ Khoản 1, Điều 42, Luật Đất đai 2003 quy định: Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 luật này thì được bồi thường. Đồng thời, Điều 64 luật đất đai 2013 quy định đất trồng cây hằng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền, đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liền thì không được bồi thường. Trường hợp của bà M không sử dụng đất từ năm 2009 đến thời điểm thu hồi là 03 năm nên gia đình bà M không được bồi thường theo quy định. Ngày 04-02-2016, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số 237/QĐ-UBND không chấp nhận đơn khiếu nại lần 2 của bà M.

Sau đó, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 thu hồi hủy bỏ quyết định số 1510/QĐ- UBND của UBND huyện Đ.

Từ những cơ sở trên thấy rằng việc bà Lục Thị M khởi kiện hành vi hành chính thu hồi đất để xây dựng công trình đường giao thông và Ban chỉ huy quân sự huyện Đ mà không bồi thường là không có cơ sở xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; các bên đương sự thống nhất đề nghị không đối thoại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về hành vi hành chính của UBND huyện Đ thu hồi 6232m² đất của bà để xây dựng công trình Đường giao thông nội bộ Bằng Lăng và 2703m² đất để xây dựng nhà làm việc của huyện đội Đ nhưng không đền bù hỗ trợ cho bà theo quy định của pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Đại diện người bị kiện UB huyện Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

-Về nội dung khởi kiện: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị M về việc khởi kiện Hành vi hành chính thu hồi đất để xây dựng công trình công cộng nhưng không bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, Đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết*: Bà Lục Thị M cho rằng UBND huyện Đ thu hồi diện tích 2703m² đất thửa 156, tờ bản đồ số 21, xã R, huyện Đ thuộc khu vực 2 vị trí 1 để xây dựng nhà huyện đội Ban chỉ huy quân sự huyện Đ và UBND huyện Đ thu hồi diện tích 6232m² đất thửa đất 263, tờ bản đồ số 02, đất thuộc khu vực 3, vị trí 1, xã R, huyện Đ để xây dựng công trình đường giao thông nội bộ TT Bằng Lăng huyện Đ mà không bồi thường theo quy định của pháp luật nên ngày 14-5-2018 bà có đơn khởi kiện Hành vi hành chính của UBND huyện Đ thu hồi đất để xây dựng công trình công cộng nhưng không đền bù hỗ trợ cho bà theo quy định của pháp luật; Căn cứ khoản 2, Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng Hành chính; xác định đối tượng “*kiếu kiện hành vi hành chính về quản lý nhà nước về đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Đối với Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 20-5-2016 thu hồi hủy bỏ quyết định số 1510/QĐ- UBND của UBND huyện Đ và Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND huyện Đ tuy bà M không khởi kiện các Quyết định này (BL 114) nhưng đây là các quyết định có liên quan nên cần được xem xét theo quy định tại điểm đ khoản 3 điều 191 luật tố tụng hành chính năm 2015 và công văn số 01/2017/ GD-TANDTC ngày 07/04/2017 của toà án nhân dân tối cao hướng dẫn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 193 luật tố tụng hành chính năm 2015 “Hội đồng xét xử phải xem xét tính hợp pháp quyết định hành chính, hành vi hành chính quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản hành chính có liên quan”. Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2018 bà M cho rằng nhận các quyết định trên vào tháng 11 năm 2016 (BL 114), đến ngày 12 tháng 10 năm 2017 bà đã khởi kiện vụ án hành chính sau đó bà rút đơn khởi kiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 27/4/2018 bà có đơn khởi kiện lại do đó xác định thời hiệu khởi kiện của bà vẫn còn.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện:

Về nguồn gốc đất: theo bà M trình bày thì diện tích 1,3 ha đất tại thôn 1 xã R có nguồn gốc do ông Lê Văn Quyền, ông Lê Văn Phóng mua lại từ bà Trần Thị Nụ (có Giấy tờ mua bán đất có xác nhận của UBND xã R) . Sau đó, ngày 26/10/1999 ông Quyền uỷ quyền cho Lục thị Thu và Lục Thị Mến canh tác và sở hữu 7ha đất trên (BL 148), diện tích 03 ha còn lại ông Lê văn Phóng uỷ quyền cho Lục Thị Mến canh tác (BL 147), sau đó đến ngày 02/5/2018, bà Lục thị Thu làm giấy sang nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà Lục thị M (BL 18).

Qua xem xét thấy rằng, các giấy tờ trên là giấy mua bán viết tay và theo nội dung các giấy tờ trên thể hiện thì Bà M không phải là chủ sử dụng đất mà chỉ là người được uỷ quyền sử dụng đất; Giấy tờ cũng không thể hiện rõ ràng vị trí, tứ cận. Như vậy, các giấy tờ nêu trên không thuộc các loại giấy tờ quy định tại Khoản

1, Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Căn cứ Khoản 1, Điều 42, Luật Đất đai 2003 quy định Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 luật này thì được bồi thường. Do đó, không đủ cơ sở pháp lý để bồi thường cho bà Lục Thị M khi thu hồi đất. Đồng thời, qua lời khai của bà M ngày 03/10/2018 thì bà chỉ sử dụng đất từ thời điểm năm 1996 đến năm 1999. Kết quả xác M (biên bản xác M ngày 10 tháng 10 năm 2018) thể hiện thửa đất 156, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 263, tờ bản đồ số 02 xã R huyện Đ chưa được đăng ký kê khai vào sổ mục kê. Tại phiên tòa bà M cũng thừa nhận chưa đăng ký kê khai đối với diện tích các thửa đất này. Từ đó, đủ cơ sở xác định bà M không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, việc bà M cho rằng UBND huyện Đ thu hồi diện tích 2703m² đất thửa 156, tờ bản đồ số 21, xã R, huyện Đ thuộc khu vực 2 vị trí 1 để xây dựng nhà huyện đội Ban chỉ huy quân sự huyện Đ và việc UBND huyện Đ thu hồi diện tích 6232m² đất thửa đất 263, tờ bản đồ số 02, đất thuộc khu vực 3, vị trí 1, xã R, huyện Đ để xây dựng công trình đường giao thông nội bộ TT Bằng Lăng huyện Đ mà không bồi tại thường giá trị về đất cho bà là không đúng.

Ngày 22 tháng 8 năm 2014 chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1017/QĐ-UBND về việc hủy một phần quyết định số 576/QĐ-UBND chủ tịch huyện Đ với nội dung: hủy nội dung thứ nhất của Điều 1 và nội dung thứ 2 của Điều 2 của quyết định này không chấp nhận nội dung bà Lục Thị M khiếu nại việc Nhà nước san ủi đất của hộ gia đình bà nhưng chưa thu hồi đất và tính toán bồi thường về đất quyết định 576/QĐ-UBND ngày 28/06/2013 là hoàn toàn có cơ sở do bà M không có giấy tờ hợp pháp chứng M về nguồn gốc đất. Sau khi ban hành Quyết định số 864/QĐ-UBND về việc thu hồi bổ sung đất nông nghiệp của hộ bà Lục Thị M để xây dựng công trình Đường giao thông nội bộ Bằng Lăng và Quyết định số 1510/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Lục Thị M để xây dựng các hạng mục công trình Ban chỉ huy quân sự huyện Đ; UBND huyện Đ đã tiến hành xác M, kiểm tra nguồn gốc đất của bà Lục Thị M và đã ban hành các quyết định số Quyết định 506/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 hủy bỏ quyết định 1510/QĐ-UBND và Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 864/QĐ-UB ngày 08/8/2013 là phù hợp. Tuy bà M không khởi kiện các quyết định nêu trên tuy nhiên tòa án vẫn xem xét các quyết định này được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành và nội dung các quyết định nêu trên UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành đều đúng theo quy định của pháp luật đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước cũng như của công dân.

Từ những phân tích và nhận định trên việc UBND huyện Đ không bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng công trình công cộng là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên bác yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị M.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà M không được chấp nhận, nên bà Lục Thị M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; Tuy nhiên, bà M là hộ nghèo, (BL 46) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên bà M không phải nộp tiền án phí hành

chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164, 191; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thị M về việc khởi kiện Hành vi hành chính đối với UBND huyện Đ khi thu hồi đất để xây dựng công trình công cộng nhưng không bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Người khởi kiện bà Lục Thị M được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Lục Thị M số tiền 300.000 nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số 0010065 ngày 19-6-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí M xét xử phúc thẩm. Riêng người bị kiện, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LD
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Văn Hùng